

Số: 27 /2024/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 20 tháng 9 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2024 – 2025**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Thực hiện Thông báo số 312/TB-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc kết quả biểu quyết của thành viên UBND tỉnh đối với một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 99/TTr-SLĐTBXH ngày 05 tháng 9 năm 2024, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 149/BC-STP ngày 13 tháng 8 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2024 – 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2024.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- VPCP; Bộ LĐ-TB&XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, Đoàn ĐBQH, TTHĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu QG về PL (Sở Tư pháp)
- VPTU; VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Sở: KHĐT, LĐTBXH, NNPTNT, TC;
- TV. UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- UBND các huyện, tp;
- LĐVP, TH, KGVX, CV;
- Lưu: VT. Tấn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lộc Hà**

## QUY ĐỊNH

Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số: 27/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 – 2025.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo); người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định).

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

### Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

#### Điều 3. Mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Mẫu hồ sơ: thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này, gồm:

a) Đơn đề nghị phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Mẫu số 01).

b) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Mẫu số 02).

c) Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết (Mẫu số 03).

d) Bản cam kết đảm bảo các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (Mẫu số 04).

đ) Biên bản hợp tác thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo

chuỗi giá trị giữa đơn vị chủ trì liên kết với các hộ dân tham gia dự án liên kết (Mẫu số 05).

e) Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Mẫu số 06)

## 2. Trình tự, thủ tục

### a) Bước 1: Thông báo công khai kế hoạch

Phòng Lao động – Thương binh và xã hội (hoặc cơ quan, đơn vị được UBND cấp huyện giao nhiệm vụ quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; sau đây gọi là cơ quan quản lý dự án) thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị trong thời hạn tối thiểu 10 ngày.

### b) Bước 2: Khảo sát, lập hồ sơ đề xuất dự án

Cơ quan quản lý dự án phối hợp với UBND cấp xã để khảo sát, lựa chọn các đơn vị tham gia liên kết. Lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết (theo Mẫu số 03 Phụ lục I của Quyết định này).

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với UBND cấp xã nơi thực hiện dự án khảo sát, lựa chọn cá nhân, hộ dân tham gia dự án; lập hồ sơ dự án liên kết theo các biểu mẫu của Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Người đại diện đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án đến Cơ quan quản lý dự án (Phòng Lao động – Thương binh và xã hội hoặc cơ quan được UBND cấp huyện giao quản lý dự án). Hình thức nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp gián tiếp thông qua dịch vụ bưu chính khi có yêu cầu.

### c) Bước 3: Thẩm định dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ dự án hợp lệ, cơ quan quản lý dự án tham mưu trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị thành lập Tổ thẩm định, UBND cấp huyện ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định. Tổ trưởng Tổ thẩm định là lãnh đạo cơ quan quản lý dự án; các thành viên là các lãnh đạo phòng, ban chuyên môn cấp huyện: Tài chính – Kế hoạch, Lao động – Thương binh và Xã hội, Kinh tế, lãnh đạo UBND cấp xã nơi có dự án liên kết, các phòng ban chuyên môn khác và chuyên gia độc lập (nếu cần thiết).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.

Nội dung thẩm định: thẩm định thành phần hồ sơ và điều kiện hỗ trợ dự án

được quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương; sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, hàng hóa, phương tiện đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước; chế tài xử lý và giải pháp tài chính xử lý trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và trong trường hợp rủi ro (nếu có); phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Tổ thẩm định có văn bản trả lời Cơ quan quản lý dự án; Cơ quan quản lý dự án có văn bản trả lời đơn vị chủ trì liên kết và nêu rõ lý do. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Tổ thẩm định ban hành Báo cáo thẩm định.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Cơ quan quản lý dự án trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt dự án liên kết.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình và hồ sơ dự án từ cơ quan quản lý dự án, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc) quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Mẫu số 06).

Người đại diện đơn vị chủ trì liên kết nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nhận gián tiếp thông qua dịch vụ bưu chính khi có yêu cầu.

đ) Bước 5: Ký hợp đồng, tổ chức thực hiện dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có Quyết định phê duyệt dự án, Cơ quan quản lý dự án thực hiện ký hợp đồng thực hiện dự án với đơn vị chủ trì liên kết.

Đơn vị chủ trì liên kết triển khai tổ chức thực hiện dự án theo quy định. Bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, chuyên gia kỹ thuật (nếu có), hỗ trợ kỹ thuật, phổ biến kinh nghiệm cho các đối tượng tham gia dự án. Tổ chức mua sắm hàng hóa, vật tư, phương tiện, nguyên liệu, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án.

e) Bước 6: Kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện dự án

Cơ quan quản lý dự án phối hợp UBND cấp xã nơi có dự án thực hiện kiểm tra, giám sát trong thời gian thực hiện dự án.

Nội dung: kiểm tra, giám sát việc thực hiện các khâu kỹ thuật, kinh doanh,

dịch vụ của các hộ tham gia dự án, đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; có biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời cho người dân nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Thành phần tham gia kiểm tra, giám sát: đại diện cơ quan quản lý dự án; đại diện đơn vị chủ trì liên kết; đại diện UBND cấp xã nơi triển khai dự án, đại diện hộ dân tham gia dự án.

Đơn vị chủ trì liên kết báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan quản lý dự án. Cơ quan quản lý dự án nghiệm thu từng phần hoặc toàn bộ dự án theo nội dung đã ký kết trong hợp đồng, giải ngân vốn hỗ trợ từ ngân sách dựa trên kết quả nghiệm thu tiến độ hoàn thành dự án.

#### **Điều 4. Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Mẫu hồ sơ: thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này, gồm:

a) Biên bản họp dân (Mẫu số 01) kèm theo danh sách tham gia dự án, phương án (gọi chung là dự án).

b) Bản cam kết của hộ gia đình tham gia dự án (Mẫu số 02).

c) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 03).

d) Đơn đề nghị phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 04).

đ) Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 05)

2. Trình tự, thủ tục

a) Bước 1: Thông báo công khai kế hoạch

Phòng Lao động – Thương binh và xã hội (Cơ quan được UBND cấp huyện giao nhiệm vụ quản lý dự án) thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan trong thời gian tối thiểu 10 ngày.

b) Bước 2: Xây dựng hồ sơ đề nghị dự án

Cộng đồng dân cư tổ chức họp dân, lựa chọn dự án, lựa chọn cá nhân, hộ gia đình tham gia dự án, cử người đại diện cho cộng đồng dân cư (theo Mẫu số 01).

Đại diện cộng đồng dân cư (gọi tắt là Tổ trưởng tổ dự án) lập hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo các biểu mẫu từ Mẫu số 01 đến Mẫu số 04 của Phụ lục II kèm theo Quyết định này;

Người đại diện cộng đồng nộp 01 bộ hồ sơ đề xuất dự án đến cơ quan quản lý dự án (Phòng Lao động – Thương binh và xã hội). Hình thức nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp gián tiếp

thông qua dịch vụ bưu chính khi có yêu cầu.

c) Bước 3: Thẩm định dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý dự án tham mưu trình UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị thành lập Tổ thẩm định, UBND cấp huyện ban hành quyết định thành lập Tổ thẩm định. Tổ trưởng là lãnh đạo cơ quan quản lý dự án; các thành viên Tổ thẩm định là các lãnh đạo UBND cấp xã nơi có dự án/phương án/dịch vụ của cộng đồng; lãnh đạo phòng, ban chuyên môn cấp huyện: Tài chính – Kế hoạch, Lao động – Thương binh và Xã hội, Kinh tế; các phòng ban chuyên môn khác và chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (nếu cần thiết).

Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập.

Nội dung thẩm định: thẩm định thành phần hồ sơ và điều kiện hỗ trợ dự án được quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương; sự cần thiết thực hiện dự án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, hàng hóa, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước; chế tài xử lý và giải pháp tài chính xử lý trong trường hợp Tổ trưởng tổ dự án hoặc cá nhân, hộ gia đình tham gia dự án vi phạm cam kết và phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có).

Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Tổ thẩm định ban hành báo cáo thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Tổ thẩm định trả lời bằng văn bản cho cơ quan quản lý dự án; cơ quan quản lý dự án trả lời đại diện tổ cộng đồng bằng văn bản.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc từ khi nhận được báo cáo của Tổ thẩm định, Cơ quan quản lý dự án đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét phê duyệt.

d) Bước 4: Phê duyệt dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình đề nghị phê duyệt dự án, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện/Chủ tịch UBND cấp xã) phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 05).

Người đại diện cộng đồng nhận kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nhận gián tiếp thông qua dịch vụ bưu

chính khi có yêu cầu.

đ) Bước 5: Ký hợp đồng, tổ chức thực hiện dự án

Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ khi có Quyết định phê duyệt dự án của UBND cấp huyện. Cơ quan quản lý dự án thực hiện ký hợp đồng thực hiện dự án với đại diện cộng đồng.

UBND cấp xã nơi có dự án và đại diện cộng đồng triển khai tổ chức thực hiện dự án. Bồi dưỡng kiến thức, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật (nếu có), hỗ trợ kỹ thuật, phổ biến kinh nghiệm cho các đối tượng tham gia dự án. Tổ chức mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tư, phương tiện, nguyên liệu, con giống, cây trồng, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ theo quy định và thực hiện cấp phát cho đối tượng tham gia dự án.

e) Bước 6: Kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện dự án

Cơ quan quản lý dự án phối hợp với UBND cấp xã nơi có dự án thực hiện kiểm tra, giám sát trong suốt thời gian thực hiện dự án. Thành phần tham gia kiểm tra, giám sát: đại diện cơ quan quản lý dự án; đại diện đơn vị chủ trì liên kết thực hiện dự án; đại diện lãnh đạo UBND cấp xã nơi triển khai dự án.

Nội dung kiểm tra, giám sát: việc thực hiện các khâu kỹ thuật, kinh doanh, dịch vụ của các hộ tham gia dự án, đánh giá tình hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; có biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời cho người dân nhằm đạt được hiệu quả cao nhất.

Tổ trưởng tổ dự án báo cáo kết quả thực hiện với cơ quan quản lý dự án. Cơ quan quản lý dự án nghiệm thu từng phần hoặc toàn bộ dự án theo nội dung đã ký kết trong hợp đồng, giải ngân vốn hỗ trợ từ ngân sách dựa trên kết quả nghiệm thu tiến độ hoàn thành dự án.

**Điều 5. Cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.**

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Việc quay vòng một phần vốn đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, hiệu quả của nguồn vốn và phù hợp với từng dự án trên địa bàn.

b) Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ trong thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án.

2. Hình thức thu hồi một phần vốn: bằng tiền.

3. Tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng: tối thiểu 10% tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án.

4. Thời gian thu hồi: Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kết thúc dự án.

## 5. Quản lý và sử dụng vốn quay vòng

- Cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước để thu hồi kinh phí quay vòng.

- Sau khi kết thúc chu kỳ sản xuất/kinh doanh/dịch vụ theo quy định trong Quyết định phê duyệt dự án, hộ dân, cá nhân có thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ được hỗ trợ vốn có trách nhiệm nộp tiền quay vòng vốn theo quy định tại khoản 3 Điều này cho Tổ trưởng tổ dự án.

Tổ trưởng tổ dự án có trách nhiệm nộp số tiền quay vòng vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc của cơ quan quản lý dự án.

- Cơ quan quản lý dự án thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng cho đối tượng (mới) của cộng đồng tham gia dự án nhưng không vượt quá mức hỗ trợ tối đa do cấp có thẩm quyền quy định.

Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án cộng đồng không còn nhu cầu sử dụng vốn (từ nguồn vốn quay vòng) thì cơ quan quản lý dự án nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

- Cơ quan quản lý dự án quyết toán nguồn vốn quay vòng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

## 6. Theo dõi, giám sát vốn quay vòng

- UBND cấp huyện giao nhiệm vụ cho Cơ quan quản lý dự án phối hợp với UBND cấp xã nơi tổ chức thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo dõi, kiểm tra, đánh giá hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, thu hồi vốn, luân chuyển trong cộng đồng của từng dự án trên địa bàn.

- Cộng đồng dân cư được tham gia dự án tổ chức theo dõi, giám sát việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng.

- Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng) dẫn đến không có thu nhập theo kế hoạch, Tổ trưởng tổ dự án báo cáo UBND cấp xã và cơ quan quản lý dự án tiến hành lập biên bản, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, đánh giá, thẩm định mức độ thiệt hại.

Cơ quan quản lý dự án trình UBND cấp huyện xem xét, quyết định gia hạn thu hồi, điều chỉnh tỷ lệ thu hồi hoặc miễn thu hồi vốn quay vòng cụ thể như sau:

- Dự án bị thiệt hại trên 70% do nguyên nhân khách quan thì không thu hồi vốn quay vòng.

- Dự án bị thiệt hại từ 50% - 70% do nguyên nhân khách quan thì thu hồi vốn quay vòng bằng 30% tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quyết định này và gia hạn thêm thời gian thu hồi nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc dự án.

- Dự án bị thiệt hại dưới 50% do nguyên nhân khách quan thì thu hồi vốn quay vòng bằng 50% tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng được quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quyết định này và gia hạn thêm thời gian thu hồi nhưng không quá 05 tháng kể từ ngày kết thúc dự án.

### **CHƯƠNG III TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các nội dung liên quan đến việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị không thuộc lĩnh vực nông nghiệp, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và cơ chế quay vòng vốn.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về các dự án giảm nghèo và cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách tỉnh và vốn đối ứng từ các địa phương để thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo hàng năm.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, hướng dẫn UBND cấp huyện thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan**

Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp UBND cấp huyện, UBND cấp xã hướng dẫn, thẩm định, kiểm tra đánh giá, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của UBND cấp huyện**

- Căn cứ dự toán của UBND tỉnh giao để bố trí, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương

trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và cơ chế quay vòng vốn.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có) kết quả thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo trên địa bàn; báo cáo kết quả hoạt động quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng.

### **Điều 11. Trách nhiệm của UBND cấp xã**

- Phối hợp chỉ đạo, triển khai thực hiện dự án giảm nghèo trên địa bàn. Đơn đốc, hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án thực hiện cơ chế quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng đúng tỷ lệ, đúng thời hạn theo dự án đã được phê duyệt.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo việc thực hiện dự án và thực hiện cơ chế quay vòng vốn trên địa bàn; kịp thời kiến nghị UBND cấp huyện và cơ quan quản lý dự án các khó khăn vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

### **Điều 12. Trách nhiệm của cộng đồng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án**

- Cộng đồng tham gia dự án tổ chức thực hiện dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt, thực hiện cơ chế quay vòng vốn theo quy định. Báo cáo định kỳ 6 tháng (vào ngày 20 tháng 6 hàng năm) và báo cáo năm (vào ngày 20 tháng 12 hàng năm) và báo cáo tổng kết dự án gửi UBND cấp xã để tổng hợp báo cáo UBND cấp huyện.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia dự án cam kết thực hiện đầy đủ nội dung, quy định của dự án, trong đó có cam kết hoàn trả một phần vốn quay vòng cho cơ quan quản lý dự án để thực hiện luân chuyển vốn trong cộng đồng (đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng) theo quy định.

### **Điều 13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội**

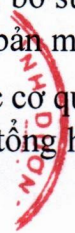
- Tổ chức tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 – 2025. Hướng dẫn các tổ chức thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân thi đua hưởng ứng, tham gia thực hiện các chương trình giảm nghèo bền vững.

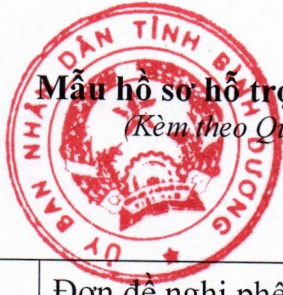
- Giám sát công tác tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quy định này có thay đổi, bổ sung, điều chỉnh trong quá trình thực hiện thì áp dụng theo quy định của văn bản mới.

2. Trong quá trình thực hiện có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.





## PHỤ LỤC I

### Mẫu hồ sơ hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

(Kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 20/9/2024

của UBND tỉnh Bình Dương)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 03	Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết
Mẫu số 04	Bản cam kết đảm bảo các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường
Mẫu số 05	Biên bản hợp tác thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 06	Quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

**TÊN ĐƠN VỊ  
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Kính gửi: (Tên UBND cấp huyện và cơ quan quản lý dự án).....

**I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

Tên đơn vị chủ trì kết (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã):.....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 - 2025.

(Tên đơn vị chủ trì liên kết)..... đề nghị (tên UBND cấp huyện) thẩm định, xem xét phê duyệt Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị như sau:

**II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ, ĐỊA BÀN, QUY MÔ, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

1. Tên dự án: .....

2. Loại sản phẩm, dịch vụ liên kết: .....



3. Địa bàn thực hiện: .....
4. Quy mô liên kết: .....
5. Tiến độ thực hiện dự kiến: từ ngày ....tháng ...năm ....đến ngày ....tháng ...năm....

### III. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VỐN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Nội dung hỗ trợ chi tiết (*thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước*): .....

2. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....

Trong đó: Vốn ngân sách nhà nước:.....

Vốn của đơn vị chủ trì liên kết: .....

Vốn góp của các đơn vị tham gia liên kết:.....

Vốn tín dụng ưu đãi (nếu có): .....

Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có):.....

Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các hộ dân thuộc đối tượng chương trình MTQG giảm nghèo: .....

3. Tổng vốn, kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ: .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

- Năm 2024 .....
- Năm 2025.....

### IV. CAM KẾT: (*Tên đơn vị chủ trì liên kết*) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật.

**V. TÀI LIỆU KÈM THEO** (*danh mục các tài liệu gửi kèm bản sao công chứng giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc quyết định thành lập, văn bản chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết, bản sao giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.....*): .....

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- Lưu:

**(ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

TÊN ĐƠN VỊ  
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT  
LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

**Phần I**

**GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT  
THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

**I. TÊN DỰ ÁN:** .....

**II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN**

1. Tên đơn vị chủ trì kết (*tên Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã*): .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

- Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất

- Tên đơn vị tham gia liên kết (1): .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số: ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

- Năng lực của đơn vị tham gia liên kết: .....

b. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai (nếu có)

- Tên đơn vị tham gia liên kết (2): .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....



- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số: ....., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
- Năng lực của đơn vị tham gia liên kết: .....

3. Đối tượng liên kết (cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác)

a) Đại diện đối tượng liên kết: .....

- Người đại diện (được cử hoặc bầu ra): .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail .....

b) Số lượng đối tượng tham gia liên kết: ..... người; trong đó:

- Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo:.....người, chiếm.....% tổng số hộ tham gia dự án.

(Kèm theo danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết).

### **III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT**

*Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 26/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nội dung, định mức hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;*

*Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Dương, giai đoạn 2024 – 2025.*

## **Phần II NỘI DUNG DỰ ÁN**

## I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN:

1. Sự cần thiết thực hiện dự án: .....
2. Mục tiêu tổng quát:.....
3. Mục tiêu cụ thể (dự kiến số hộ thoát nghèo khi tham gia dự án).....
4. Thời gian triển khai: .....
5. Địa điểm, quy mô liên kết: .....

## II. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN

1. Sản phẩm thực hiện liên kết: .....
2. Quy mô liên kết: .....
3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
4. Hình thức liên kết: .....
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....
6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.....
7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...).....

*(ghi rõ Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia;....)*

## III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ:

Nội dung và chi phí hỗ trợ hộ gia đình hoặc người dân tham gia dự án:  
.....

2. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ *(chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)* .....

b) Kinh phí hỗ trợ *(chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)*.....

3. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....

*Trong đó:*

Vốn của chủ trì liên kết: .....

Vốn tham gia của các đơn vị bên liên kết:.....

Vốn tín dụng ưu đãi cho các hộ dân tham gia dự án vay (nếu có): .....

Vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có):.....

Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ các hộ dân thuộc đối tượng chương trình MTQG giảm nghèo: .....

Vốn của các hộ dân tham gia dự án: .....

4. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

Năm 2024 .....

Năm 2025.....

5. Các hồ sơ gửi kèm : .....

#### **IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

- Tạo việc làm cho người dân tham gia dự án;
- Nâng cao thu nhập cho người dân tham gia dự án;
- Khả năng đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):.....

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết.....

4. Chế tài xử lý và giải pháp tài chính xử lý trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và trong trường hợp rủi ro (nếu có).....

### **Phần III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

##### **I. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*(Đơn vị chủ trì liên kết ghi rõ kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết.*

*Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết);*

*- Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị, phương tiện ... phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước:*

##### **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì liên kết.....

2. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết.....

3. Trách nhiệm của hộ dân, cá nhân tham gia liên kết: .....



4. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết.....

5. Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện dự án: .....

**III. KIẾN NGHỊ** (Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị chủ trì dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế).

Kèm theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị chủ trì liên kết.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)